
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính được kiểm toán	07 - 37
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>07 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>14 - 37</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần xi măng X18 (gọi tắt và công “ Công ty”) tiền thân là Nhà máy Xi măng X18 thuộc tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng được thành lập theo Quyết định số 317/QĐ-QP ngày 27/07/1993. Từ ngày 13/10/1997, Nhà máy Xi măng X18 được đổi tên thành Công ty 18 theo Quyết định số 1361/QĐ-QP ngày 13/10/1997 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Sau đó, Công ty 18 được chuyển thành Công Ty Cổ Phần Xi măng X18 theo Quyết định số 2260/QĐ-BQP ngày 31/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5400253188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu tiên ngày 28 tháng 11 năm 2006. Ngày 10 tháng 06 năm 2019, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 04: 61.557.770.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2019: 61.557.770.000 VND

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Ông Phạm Quang Huy	28.100.000.000	45,65%
Ông Lê Việt Hùng	7.000.000.000	11,37%
Ông Mai Quý Phi	6.300.000.000	10,23%
Các Cổ đông khác	21.157.770.000	34,37%
Cộng	61.557.770.000	100,00%

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.
Điện thoại : 0303 866 062
Fax : 0303 866 211
Mã số thuế : 5 4 0 0 2 5 3 1 8 8

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch
Ông Lê Việt Hùng	Thành Viên
Ông Mai Quý Phi	Thành Viên
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành Viên
Ông Nguyễn Bách Việt	Thành Viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Quách Văn Mười	Trưởng Ban
Ông Vũ Đình Cửa	Thành Viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành Viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Quang Huy	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Đinh Hoài Nam	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Quang Huy

Số : 0603.01/BCTC-NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2019**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xi Măng X18

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng X18, được lập ngày 22 tháng 6 năm 2020 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng X18 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn**Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán có ý kiến chấp nhận từng phần do hạn chế về việc Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay với giá trị 13.782.773.886 đồng vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang sau khi Dự án đầu tư mở rộng Nhà máy xi măng lò quay X18 Công suất 1.000T Clanke/ngày đã đi vào sử dụng. Đồng thời theo báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành số 885-14/BC-XD/ĐT-VAE phát hành ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty vẫn ghi nhận giá trị chi phí lãi vay nêu trên trong nguyên giá tài sản cố định tăng trong năm 2014 và khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư nhà máy nêu trên với giá trị 9.494.932.999 đồng đã được Công ty hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định là chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10. Theo đó, vấn đề nêu trên vẫn chưa được xử lý sẽ tiếp tục ảnh hưởng tới các chỉ tiêu liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.3 Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến 31 tháng 12 năm 2019 là 92.107.115.228 VND đã vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 378.661.598.160 VND, đồng thời Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh âm 14.414.790.467 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc đã nỗ lực cải thiện tình hình kinh doanh (Doanh thu 2019 tăng 32% so với năm 2018), tiết kiệm chi phí (Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu giảm 9%) và tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông, cụ thể trong năm 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 20.000.000.000 VND bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Đồng thời, Ban giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động trong nhiều năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNTK số: 3980-2017-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		127.387.503.575	112.422.549.856
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.484.242.443	3.232.694.245
111	1. Tiền		2.484.242.443	3.232.694.245
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.482.887.545	10.472.733.931
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	9.904.963.804	12.069.410.420
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	318.609.559	171.734.600
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.610.558.919	1.243.445.019
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(3.351.244.737)	(3.011.856.108)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	41.582.697.911	38.228.137.068
141	1. Hàng tồn kho		41.582.697.911	38.228.137.068
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		74.837.675.676	60.488.984.611
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	74.253.256.649	58.971.150.253
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		232.975.133	566.390.464
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		351.443.894	951.443.894
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		638.273.708.074	620.016.783.894
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		320.239.487	320.239.487
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.4	320.239.487	320.239.487
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		631.487.056.241	613.353.891.455
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	631.487.056.241	613.353.891.455
222	- Nguyên giá		828.237.459.244	798.767.728.271
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(196.750.403.003)	(185.413.836.816)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.466.412.346	6.342.652.952
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7	6.194.616.312	6.342.652.952
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		271.796.034	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		765.661.211.649	732.439.333.749

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		787.344.904.687	749.404.554.154
310	I. Nợ ngắn hạn		506.049.101.735	408.108.751.202
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	147.010.785.711	147.219.031.621
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	16.876.656.135	27.059.103.149
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	667.200.138	2.266.956.285
314	4. Phải trả người lao động		5.208.121.499	3.763.733.290
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	115.686.177.543	96.599.322.749
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.13	18.000.000	18.000.000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	27.489.609.709	27.627.053.108
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	193.092.551.000	103.555.551.000
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		281.295.802.952	341.295.802.952
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	281.295.802.952	341.295.802.952
339	8. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	9. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	11. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(21.683.693.038)	(16.965.220.405)
410	I. Vốn chủ sở hữu	V 16	(21.683.693.038)	(16.965.220.405)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.557.770.000	41.557.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.557.770.000	41.557.770.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		3.033.824.245	3.033.824.245
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		5.831.827.945	5.831.827.945
419	9. Quỹ lỗ lợi sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(92.107.115.228)	(67.388.642.595)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(67.388.642.595)	(132.249.736.189)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(24.718.472.633)	64.861.093.594
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		765.661.211.649	732.439.333.749

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thủy

Lập ngày 22 tháng 6 năm 2020

Giám đốc



Phạm Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	412.468.834.099	312.871.746.183
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		412.468.834.099	312.871.746.183
11	3. Giá vốn hàng bán	VI.2	374.512.514.393	312.389.690.639
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.956.319.706	482.055.544
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.456.764	3.972.721
22	6. Chi phí tài chính	VI.4	47.082.193.585	21.963.590.302
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		47.082.193.585	21.963.590.302
25	7. Chi phí bán hàng	VI.5	3.281.857.283	3.251.278.158
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	12.299.227.427	15.424.998.031
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(24.705.501.825)	(40.153.838.226)
31	10. Thu nhập khác	VI.7	97.000.000	105.175.992.896
32	11. Chi phí khác	VI.8	109.970.808	161.061.076
40	12. Lợi nhuận khác		(12.970.808)	105.014.931.820
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(24.718.472.633)	64.861.093.594
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	-	-
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(24.718.472.633)	64.861.093.594
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	(4.687)	15.740

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Lập ngày 22 tháng 6 năm 2020

Giám đốc



Phạm Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(24.718.472.633)	64.861.093.594
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao TSCĐ		14.477.851.668	27.833.199.762
03	Các khoản dự phòng		-	-
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.456.764)	(3.972.721)
06	Chi phí lãi vay		47.082.193.585	21.963.590.302
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.840.115.856	114.653.910.937
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		5.912.567.328	668.946.416
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.354.560.843)	(2.887.214.804)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.683.504.261)	(43.515.046.248)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(23.434.069.756)	(51.321.096.545)
13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(19.695.338.791)	1.646.887.531
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(14.414.790.467)	19.246.387.287
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(35.872.118.099)	(2.021.800.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được		1.456.764	3.972.721
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.870.661.335)	(2.017.827.279)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		393.774.000.000	312.698.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(364.237.000.000)	(328.375.021.448)
35	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		49.537.000.000	(15.677.021.448)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	V.1	(748.451.802)	1.551.538.560
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.232.694.245	1.681.155.685
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	2.484.242.443	3.232.694.245

Lập ngày 22 tháng 6 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy

Nguyễn Thị Thủy

Phạm Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất công nghiệp
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất xi măng;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: giao thông, thủy lợi;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
 - Bán buôn(xuất nhập khẩu) vật liệu, máy móc, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính .

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

328
CỔ
TỔNG
KIỂM
HÀNG
V.Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-20
Máy móc và thiết bị	05-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-06

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa vào giá trị tài sản khi có đủ điều kiện theo qui định chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 “Chi phí đi vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

12/12/2019
T
H
Ư
C
Á
C
V
T
T

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn,
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- a. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- b. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	711.974.535	713.804.491
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.772.267.908	2.518.889.754
Cộng	<u>2.484.242.443</u>	<u>3.232.694.245</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Long Sơn	2.160.040.000	2.160.040.000
Ủy Ban Nhân Dân Xã Gia Sơn	434.400.000	1.184.400.000
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hoàng Kiên	893.519.600	1.088.880.350
Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	407.009.500	407.009.500
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Thương Mại Vượng Cát	1.361.059.100	-
Ủy Ban Nhân Dân Xã Thạch Bình	369.000.000	-
Ủy Ban Nhân Dân Xã Xích Thổ	246.000.000	1.000.000.000
Đối tượng khác	4.033.935.604	6.229.080.570
Cộng	<u>9.904.963.804</u>	<u>12.069.410.420</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH BHLĐ Xuân Chung	17.325.000	-
Công ty CP chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	62.700.000	-
Công ty CP tư vấn thiết kế và XD Nhân Hòa	190.500.000	47.500.000
Hoàng Đình Tú	-	20.000.000
Công ty TNHH ứng dụng công nghệ quản lý và xây dựng	30.800.000	30.800.000
Đối tượng khác	17.284.559	73.434.600
Cộng	<u>318.609.559</u>	<u>171.734.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.610.558.919	-	1.243.445.019	-
Phải thu tạm ứng	18.700.000	-	79.256.000	-
Phải thu khác	1.591.858.919	-	1.164.189.019	-
Quỹ ủng hộ	523.050.000	-	-	-
Tiền ăn tập thể	-	-	80.690.000	-
Đối tượng khác	1.068.808.919	-	1.083.499.019	-
b) Dài hạn	320.239.487	-	320.239.487	-
Ký cược, ký quỹ	320.239.487	-	320.239.487	-
Cộng	1.930.798.406	-	1.563.684.506	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNIII Long Sơn	2.160.040.000	2.160.040.000	2.160.040.000	2.160.040.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Vật liệu PVV	186.851.000	186.851.000	186.851.000	186.851.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hợp Thành	180.020.000	180.020.000	180.020.000	180.020.000
Công ty cổ phần TMTH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	407.009.500	203.504.750		
Các đối tượng khác	620.828.987	620.828.987	484.945.108	484.945.108
Cộng	3.554.749.487	3.351.244.737	3.011.856.108	3.011.856.108

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.175.926.564	-	30.975.647.588	-
Công cụ, dụng cụ	300.619.830	-	287.772.024	-
Chi phí SXKD dở dang	2.481.790.299	-	4.029.298.661	-
Hàng phẩm	1.624.361.218	-	2.935.418.795	-
Cộng	41.582.697.911	-	38.228.137.068	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	74.253.256.649	58.971.150.253
- Chi phí sửa chữa thiết bị, nhà điều hành	52.614.421.004	27.547.805.704
- Phí bảo hiểm	148.036.640	150.146.250
- Các khoản khác	21.490.799.005	31.273.198.299
b) Dài hạn	6.194.616.312	6.342.652.952
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	1.849.167.105	1.902.000.451
- Chi phí sửa chữa thiết bị, nhà điều hành	228.381.146	296.979.055
- Công cụ dụng cụ xuất dùng		90.337.741
- Các khoản khác	4.117.068.061	4.053.335.705
Cộng	80.447.872.961	65.313.803.205

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	307.450.664.061	485.068.120.207	1.787.046.455	895.083.548	3.566.814.000	798.767.728.271
- Mua trong năm	-	30.587.000.000	1.989.016.454	35.000.000	-	32.611.016.454
- Thanh lý, nhượng bán	2.937.876.286	-	-	203.409.195	-	3.141.285.481
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	304.512.787.775	515.655.120.207	3.776.062.909	726.674.353	3.566.814.000	828.237.459.244
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	69.700.365.214	109.464.527.599	1.787.046.455	895.083.548	3.566.814.000	185.413.836.816
- Khấu hao trong năm	9.798.907.316	4.678.944.352	-	-	-	14.477.851.668
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	2.937.876.286	-	-	203.409.195	-	3.141.285.481
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	76.561.396.244	114.143.471.951	1.787.046.455	691.674.353	3.566.814.000	196.750.403.003
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	237.750.298.847	375.603.592.608	-	-	-	613.353.891.455
Tại ngày cuối năm	227.951.391.531	401.511.648.256	1.989.016.454	35.000.000	-	631.487.056.241

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 11.747.517.580 VND

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 519.859.098.607 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH BHI.Đ Xuân Chung	2.298.228.439	2.298.228.439	5.298.228.439	5.298.228.439
Công ty CP chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	340.833.304	340.833.304	340.833.304	340.833.304
Công ty CP tư vấn thiết kế và XD Nhân Hòa	1.442.816.890	1.442.816.890	1.442.816.890	1.442.816.890
Hoàng Đình Tú	1.793.781.635	1.793.781.635	2.283.645.443	2.283.645.443
Công ty TNIII ứng dụng công nghệ quản lý và xây dựng	668.486.323	668.486.323	668.486.323	668.486.323
Công ty TNHH SX & TM Hoa Lư	8.805.760.000	8.805.760.000	-	-
Công ty TNHH ĐT TM DV Tân Thành	6.193.880.000	6.193.880.000		
Đối tượng khác	125.466.999.120	125.466.999.120	137.185.021.222	137.185.021.222
Cộng	147.010.785.711	147.010.785.711	147.219.031.621	147.219.031.621

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương Mại DHP	6.979.582.616	9.711.162.928
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Năm Huy Lê Xuân Lĩnh	- 82.967.000	1.960.124.000
Các đối tượng khác	9.814.106.519	15.387.816.221
Cộng	16.876.656.135	27.059.103.149

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	163.554.306	344.414.301
Thuế thu nhập cá nhân	193.047.210	193.047.210
Thuế tài nguyên	194.168.286	1.236.239.718
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	116.430.336	493.255.056
	667.200.138	2.266.956.285

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước Chi phí lãi vay	115.686.177.543	96.599.322.749
	115.686.177.543	96.599.322.749

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	18.000.000	18.000.000
	<u>18.000.000</u>	<u>18.000.000</u>

14. Phải trả khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn	27.489.609.709	27.627.053.108
Kinh phí công đoàn	723.344.683	579.117.975
Các khoản bảo hiểm		298.281.357
Cổ tức phải trả	6.711.996.248	6.711.996.248
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	20.054.268.778	20.037.657.528
<i>Cục Tài chính Bộ Quốc phòng (*)</i>	<i>18.694.763.636</i>	<i>18.694.763.636</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.359.505.142</i>	<i>1.342.893.892</i>
	<u>27.489.609.709</u>	<u>27.627.053.108</u>

(*) Là khoản vay của Cục tài chính Bộ Quốc Phòng không có hợp đồng vay và không tính lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngân hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ	Số cuối năm
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
	Vay ngắn hạn	185.592.551.000	185.592.551.000	77.892.551.000		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Bình (1)	99.680.000.000	99.680.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Vay cá nhân	85.912.551.000	85.912.551.000	17.892.551.000	17.892.551.000	17.892.551.000	17.892.551.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.500.000.000	7.500.000.000	25.663.000.000	25.663.000.000	25.663.000.000	25.663.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Bình (2)	-	-	-	15.663.000.000	15.663.000.000	15.663.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Hòa Bình (4)	7.500.000.000	7.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	193.092.551.000	193.092.551.000	103.555.551.000	103.555.551.000	103.555.551.000	103.555.551.000

Chi tiết phát sinh các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do được chuyển nợ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn cá nhân	17.892.551.000	168.980.000.000	-	100.960.000.000	-	85.912.551.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25.663.000.000	-	-	18.163.000.000	-	7.500.000.000
Cộng	103.555.551.000	392.655.000.000	-	303.118.000.000	-	193.092.551.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	281.295.802.952	281.295.802.952	341.295.802.952	341.295.802.952
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Bình (2)	99.071.978.552	99.071.978.552	99.071.978.552	99.071.978.552
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - PGD Hòa Bình (4)	182.223.824.400	182.223.824.400	182.223.824.400	182.223.824.400
Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Phương Nam (3)	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	281.295.802.952	281.295.802.952	341.295.802.952	341.295.802.952

Chi tiết phát sinh các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do được chuyển nợ	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	281.295.802.952	1.119.000.000	-	1.119.000.000	-	281.295.802.952
Cộng	281.295.802.952	1.119.000.000	-	1.119.000.000	-	281.295.802.952

(2), (3), (4) xem mục V.15a

1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ninh Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 10069/2019/427953/HĐTD ngày 21 tháng 05 năm 2019, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa: 100.000.000.000 VNĐ, thời hạn duy trì hạn mức cho vay kể từ ngày 21 tháng 05 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

2) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng dự án Đầu tư mở rộng nhà máy xi măng Lò quay X18 Công suất 1.000 Tấn Clinker/ngày số 10583/2008/HĐTD ngày 24/12/2008 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Ninh Bình với tư cách là Ngân hàng Đầu mối và Ngân hàng TMCP Quân Đội với tư cách là Ngân hàng đồng tài trợ. Tổng số tiền theo hợp đồng tài trợ với số tiền gốc tối đa bằng 250.699.000.000 VNĐ, với thời hạn vay 9 năm, lãi suất vay hàng năm bằng lãi suất tham chiếu VND +4% và thế chấp bằng quyền sử dụng đất. Căn cứ văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 10583/2008/HĐTD ký tháng 3 năm 2015 sửa đổi bổ sung điều 4: Thanh toán lãi và nợ gốc được gia hạn đến năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3) Theo công văn số 01/SGDI ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Ngân hàng TMCP Quân đội, toàn bộ khoản nợ vay (bao gồm gốc: 117.177.718.162 đồng, lãi: 43.596.875.146 đồng). Công ty cổ phần Xi Măng X18 nợ Ngân hàng TMCP Quân đội được chuyển cho công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Phương Nam.

Theo biên bản làm việc giữa công ty cổ phần Xi Măng X18 và công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Phương Nam, số nợ công ty X18 phải trả Phương Nam tính đến 29 tháng 10 năm 2018 là: 165.011.789.116 đồng (trong đó gốc: 117.177.718.162 đồng, lãi: 47.834.070.954 đồng) công ty Phương Nam đồng ý xóa nợ gốc là 57.177.718.162 đồng, nợ lãi là 47.834.070.954 đồng. Số nợ còn lại X18 phải trả công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Phương Nam đến ngày 01/01/2019 là 60.000.000.000 đồng.

4) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng phát triển Việt nam-PGD Hòa Bình theo hợp đồng số 16/2007/HĐVD ngày 30/11/2007 với thời hạn vay 10 năm, lãi suất 8,4%/năm và thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ tiền vay; Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 08.16/2007/HĐTĐTSD-NHPT.SGDI ngày 31/12/2015, thời gian cho vay 15 năm (180 tháng) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên theo kế ước nhân nợ(ngày 03/12/2009). Thời gian ân hạn 45 tháng. Thời hạn trả nợ gốc 135 tháng, kỳ hạn trả nợ theo quý.

Chi tiết phát sinh các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội và Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Phương Nam như sau:

	Số đầu năm	Tăng do chuyển nợ	Giảm do chuyển nợ	Trả nợ vay	Số cuối năm
Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Phương Nam	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	-
Cộng	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.557.770.000	3.033.824.245	5.831.827.945	(132.249.736.189)	(81.826.313.999)
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	64.861.093.594	64.861.093.594
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	41.557.770.000	3.033.824.245	5.831.827.945	(67.388.642.595)	(16.965.220.405)
Tăng vốn trong năm nay	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	(24.718.472.633)	(24.718.472.633)
Số dư cuối năm	61.557.770.000	3.033.824.245	5.831.827.945	(92.107.115.228)	(21.683.693.038)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn nhà nước	-	-
Ông Phạm Quang Huy	28.100.000.000	8.100.000.000
Ông Lê Việt Hùng	7.000.000.000	7.000.000.000
Ông Mai Quý Phi	6.300.000.000	6.300.000.000
Các cổ đông khác	20.157.770.000	20.157.770.000
	61.557.770.000	41.557.770.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.557.770.000	41.557.770.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	41.557.770.000	41.557.770.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	20.000.000.000	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	61.557.770.000	41.557.770.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai việc chào bán 2.000.000 cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương tổng giá trị phát hành là 20.000.000.000 VND. Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ nhất ngày 03/02/2020 với tổng số lượng chứng khoán là 6.155.777 cổ phiếu. Nguồn vốn tăng thêm này đã được Công ty sử dụng đúng mục đích là: (1) bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, (2) trả nợ vay ngân hàng và trả nợ vay Công ty TNHH SXVLXD Phương Nam.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.155.777	4.155.777
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.155.777	4.155.777
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.155.777	4.155.777
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.155.777	4.155.777
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.155.777	4.155.777
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	412.468.834.099	312.871.746.183
	<u>412.468.834.099</u>	<u>312.871.746.183</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	374.512.514.393	312.389.690.639
	<u>374.512.514.393</u>	<u>312.389.690.639</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.456.764	3.972.721
	<u>1.456.764</u>	<u>3.972.721</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	47.082.193.585	21.963.590.302
	<u>47.082.193.585</u>	<u>21.963.590.302</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	720.000.000	675.415.428
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.878.801	26.999.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.430.305.762	2.461.408.735
Chi phí khác bằng tiền	121.672.720	87.454.400
	<u>3.281.857.283</u>	<u>3.251.278.158</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	6.449.738.183	6.696.483.420
Chi phí vật liệu quản lý	483.329.040	364.286.346
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	11.868.000
Thuế, phí và lệ phí	83.054.358	78.801.051
Chi phí dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	339.388.629	551.249.254
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.263.591.251	4.752.997.227
Chi phí khác bằng tiền	2.680.125.966	2.969.312.733
	<u>12.299.227.427</u>	<u>15.424.998.031</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền điện, nước, thuế đất chi hộ	62.000.000	160.000.000
Thu theo biên bản thanh tra thuế	-	-
Thanh lý tài sản, phế liệu	750.000	-
Thu phạt	-	-
Thu nhập từ việc xóa nợ (*)		105.011.821.006
Thu nhập khác	34.250.000	4.171.890
	<u>97.000.000</u>	<u>105.175.992.896</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý phế liệu	-	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm, phạt thuế các loại	43.006.281	95.061.076
Chi phí khác	66.964.527	66.000.000
	<u>109.970.808</u>	<u>161.061.076</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(24.718.472.633)	64.861.093.594
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	43.006.281	95.061.076
Các khoản điều chỉnh tăng	43.006.281	95.061.076
- Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	43.006.281	95.061.076
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Kết chuyển lỗ	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	<u>(24.718.472.633)</u>	<u>64.861.093.594</u>
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(64.861.093.594)
Thu nhập tính thuế	(24.718.472.633)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(24.718.472.633)	64.861.093.594
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(24.718.472.633)	64.861.093.594
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.273.585	4.155.777
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(4.687)</u>	<u>15.740</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Danh sách các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

STT	Họ và tên	Quan hệ
1	Ông Phạm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
2	Ông Lê Việt Hùng	Thành viên HĐQT
3	Ông Mai Quý Phi	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
4	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
5	Bà Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ tiền lương và phụ cấp	254.000.000	392.065.000
	254.000.000	392.065.000

2. Thông tin về bộ phận

Trong năm Công ty chỉ thực hiện lĩnh vực kinh doanh là sản xuất xi măng. Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. Khả năng hoạt động liên tục

Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến 31 tháng 12 năm 2019 là 92.107.115.228 VND đã vượt quá vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 378.661.598.160 VND, đồng thời Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh âm 14.414.790.467 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban giám đốc đã nỗ lực cải thiện tình hình kinh doanh (Doanh thu 2019 tăng 32% so với năm 2018), tiết kiệm chi phí (Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu giảm 9%) và tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông, cụ thể trong năm 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 20.000.000.000 VND bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Đồng thời, Ban giám đốc Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động trong nhiều năm tới. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.484.242.443	3.232.694.245	2.484.242.443	3.232.694.245
Chứng khoán kinh	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	6.553.719.067	9.057.554.312	6.553.719.067	9.057.554.312
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	1.930.798.406	1.563.684.506	1.930.798.406	1.563.684.506
Cộng	10.968.759.916	13.853.933.063	10.968.759.916	13.853.933.063
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	474.388.353.952	444.851.353.952	474.388.353.952	444.851.353.952
Phải trả người bán	147.010.785.711	147.219.031.621	147.010.785.711	147.219.031.621
Các khoản phải trả khác	148.383.908.751	127.990.109.147	148.383.908.751	127.990.109.147
Cộng	769.783.048.414	720.060.494.720	769.783.048.414	720.060.494.720

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	185.592.551.000	288.795.802.952	-	474.388.353.952
Phải trả người bán	147.010.785.711	-	-	147.010.785.711
Các khoản phải trả khác	148.383.908.751	-	-	148.383.908.751
	480.987.245.462	288.795.802.952	-	769.783.048.414
Số đầu năm				
Vay và nợ	103.555.551.000	341.295.802.952	-	444.851.353.952
Phải trả người bán	147.219.031.621	-	-	147.219.031.621
Các khoản phải trả khác	127.990.109.147	-	-	127.990.109.147
	378.764.691.768	341.295.802.952	-	720.060.494.720

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG X18

Địa chỉ: Xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy

Lập ngày 22 tháng 6 năm 2020

Giám đốc

Phạm Quang Huy